

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4688** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **02** tháng **12** năm **2016**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình
xử lý khẩn cấp sự cố tuyến đê hữu sông Cầu Chày, xã Xuân Minh,
huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung Công văn số 10255/UBND-NN ngày 12/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương xử lý khẩn cấp sự cố tuyến đê hữu sông Cầu Chày, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3570/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 14/11/2016 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xử lý khẩn cấp sự cố tuyến đê hữu sông Cầu Chày, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xử lý khẩn cấp sự cố tuyến đê hữu sông Cầu Chày, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp sự cố tuyến đê hữu sông Cầu Chày, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng.

4. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục hậu quả do mưa lũ tháng 8 năm 2016 gây ra đảm bảo an toàn, ổn định cho tuyến đê hữu sông Cầu Chày đoạn qua địa phận xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân và bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

5. Nội dung và quy mô đầu tư: Làm mới 2 đoạn kè từ K12+148÷K12+253,4 và K13+459÷K13+600; xử lý nứt sạt mái đê; hoàn trả hiện trạng mặt đê sau khi thi công xong đoạn từ K9+400÷K14+400.

6. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Làm mới đoạn kè 1 từ K12+148÷K12+253,4 và đoạn 2 từ K13+459÷K13+600:

a) Chi tiêu thiết kế:

- Tổng chiều dài 2 tuyến kè: $L = 243,4$ m.

- Chân kè (lăng thể tựa): Cao trình đỉnh (+4.50) m; chiều rộng cơ $B = (3,7 \div 5,5)$ m; hệ số mái kè $m = 1,5$.

- Cao trình đỉnh kè từ (+8.20) m đến (+9.50) m.

- Hệ số mái thân kè đoạn 1 là $m = 2 \div 1,75$; đoạn 2 là $m = 2 \div 2,5$.

b) Giải pháp kỹ thuật:

- Chân kè: Kết cấu bằng lăng thể đá học thả rời và đá học xếp chèn chặt; đỉnh cơ và mái phía ngoài lăng thể tựa từ cao trình (+4.00) m được kè bằng đá khan chèn chặt dày 30 cm.

- Mái kè: Gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm, trong khung dầm (dầm chân, đỉnh và dọc mái kè) chia ô bằng bê tông cốt thép M250 đá (1x2) cm; phía dưới tấm bê tông là lớp đá (1x2) cm dày 10 cm và lớp vải địa kỹ thuật.

- Đỉnh kè: Được khóa mái bằng dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2) cm. Mái taluy từ đỉnh kè đến mặt đê được trồng cỏ chống xói lở.

6.2. Xử lý nứt sạt mái đê phía đồng đoạn từ K10+290÷K10+550:

- Đoạn sạt lở từ K10+417÷K10+478 dài 61 m thuộc chân đê phía đồng: Đào bóc phần sạt lở từ mép trong cơ đê theo mái $m = 1,5$ xuống cao trình (+6.50)m; đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$ hoàn trả lại cơ đê cũ, hệ số mái đắp $m = 2$.

- Phạm vi ao vùng lân cận từ K10+290÷K10+550 được san lấp tạo mặt bằng đến cao trình (+8.60) m.

- Hoành triệt 1 cống tại K11+665: Đào mở móng mái $m = 1$ để hoành triệt cống cũ và đắp hoàn trả bằng đất đầm chặt đảm bảo $K \geq 0,95$.

6.3. Hoàn trả hiện trạng mặt đê sau khi thi công xong đoạn từ K9+400÷K14+400:

a) Chỉ tiêu thiết kế:

- Chiều dài tuyến: $L = 5.000 \text{ m.}$
- Chiều rộng nền : $B_n = 5 \text{ m.}$
- Chiều rộng mặt gia cố: $B_{gc} = 4 \text{ m.}$
- Chiều rộng lề: $2 \times B_l = 2 \times 0,5 \text{ m.}$
- Độ dốc ngang: Mặt đê $i_m = 2\%$; lề đê $i_l = 4\%$.
- Hệ số mái đắp: $m = 1,5.$

b) Giải pháp kỹ thuật: Cơ bản theo hiện trạng đê cũ, chỉ tôn cao mặt đê với các vị trí có cao trình thấp hơn cao trình đỉnh đê thiết kế; kết cấu mặt đê từ trên xuống như sau:

- Phạm vi nối tiếp trạm bơm Quang Hoa đoạn từ K14+050÷K14+400:
 - + Lớp 1: Lớp bê tông M250 dày 20 cm.
 - + Lớp 2: Nilon tái sinh.
 - + Lớp 3: Cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm.
- Phạm vi còn lại đoạn từ K9+400÷K14+050:
 - + Lớp 1: Cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm.
 - + Lớp 2: Đào, lu lèn lớp đất nền có chiều dày trung bình 30 cm đạt $K \geq 0,95.$

7. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

8. Diện tích sử dụng đất: Khoảng $49.210 \text{ m}^2.$

9. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp IV.

10. Dự toán và nguồn vốn:

- Dự toán: 7.078,5 triệu đồng (*Bảy tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng*)

Trong đó:

- | | | |
|--------------------------|---------|-------------|
| - Chi phí xây dựng: | 5.961,2 | triệu đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 129,6 | triệu đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD: | 639,0 | triệu đồng; |
| - Chi phí khác: | 348,7 | triệu đồng; |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

- Nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2016.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức, quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo thực tế và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình được duyệt; thanh quyết toán công trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Xử lý khẩn cấp sự cố tuyến đê hữu sông Cầu Chày, xã Xuân Minh,
huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số 4688/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng (Gxd)		5.961,2
1	Gia cố mặt đê đoạn từ K9+400÷K14+400		1.993,888
2	Đoạn kè từ K12+148÷K12+253,4 đê hữu sông Cầu Chày		1.454,980
3	Đoạn kè từ K13+459÷K13+600 đê hữu sông Cầu Chày	Chi tiết	1.816,913
4	Lấp ao		681,235
5	Hoàn thiện công tại K1+665		14,207
II	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	2,391% x Gxd	129,6
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		639,0
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất (QĐ số 863/QĐ-SNN&PTNT ngày 17/10/2016)		312,107
2	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công	3,158% x Gxd	188,260
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,079% x Gxd	112,667
4	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	20% x Gqlđ	25,915
IV	Chi phí khác		348,7
1	Bảo hiểm công trình	1,03% x (Gxd+HMC)	63,243
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán	0,825% x TMDT	58,418
3	Chi phí nghiệm thu công trình của cơ quan quản lý nhà nước	Chi tiết	2,250
4	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-Thông tư số 75/2014/TT-BTC	0,121% x Gxd	6,557
5	Chi phí thẩm định dự toán-Thông tư số 75/2014/TT-BTC	0,117% x Gxd	6,341
6	Phí bảo vệ môi trường	1.500 đ x 22.041,6	33,062
7	Chi phí hạng mục chung	Chi tiết	178,837
V	Tổng cộng		7.078,5